TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **270**/2025/DS-ST
Ngày: 06/11/2025
V/v tranh chấp: "Hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thái Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tuấn Khanh;

Ông Lê Văn Đạo.

- ***Thư ký phiên Tòa:*** Ông Trần Minh Quyền – là Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Bến Tre.

Ngày 06 tháng 11 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2025/TLST–DS ngày 05 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị D**, sinh ngày: 02/11/1995 – Chủ hộ kinh doanh Đại lý HLP. (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. Nay là Thôn V, xã B, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: Tổ 06, ấp 4 C, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: **Phan Kỳ D2**, sinh ngày: 06/9/2001 (có mặt)

Địa chỉ: số 74/2 ấp A, xã Q, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: **Trần Đức T**, sinh ngày: 07/7/1979 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 04/4/2025, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 27/8/2025, bản tự khai ngày 04/4/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 31/12/2021 giữa Hộ kinh doanh Đại lý HLP (Đại lý) và anh Trần Đức T, chị Nguyễn Thị Thúy L có hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản. Hình Thức mua bán là anh Trần Đức T, chị Nguyễn Thị Thúy L mua nợ tiền thức ăn sau khi thu hoạch cuối vụ thì anh Trần Đức T, chị Nguyễn Thị Thúy L sẽ thanh toán dứt điểm công nợ cho hộ kinh doanh Đại lý HLP. Khi thanh toán toàn bộ nợ gốc vào cuối vụ thì Đại lý sẽ chiếc khấu giá thức ăn là 6.000 đồng/01kg (giá chiếc khấu trên mỗi kg thức ăn) và tiền thuốc thủy sản là 20%/tổng tiền thuốc. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng anh Trần Đức T, chị Nguyễn Thị Thúy L không thực hiện đúng như thỏa thuận, cuối vụ không thanh toán toàn bộ nợ. Tại đơn khởi kiện ngày 04/4/2025 Hộ kinh doanh Đại lý HLP yêu cầu anh Trần Đức T, chị Nguyễn Thị Thúy L liên đới trả số tiền mua bán tài sản còn nợ là 385.081.000 đồng và lãi suất phát sinh. Tuy nhiên, việc mua bán giữa chị L và anh T được ký kết bằng các hợp đồng mua bán khác nhau. Anh T và chị L không phải là vợ chồng nên ngày 27/8/2025 Hộ kinh doanh đại lý HLP xin thay đổi yêu cầu khởi kiện. Cụ thể hộ kinh doanh đại lý HLP chỉ khởi kiện một mình anh Trần Đức T. Việc phát sinh nợ mua bán với chị Nguyễn Thị Thúy L, hộ kinh doanh Đại lý HLP sẽ khởi kiện sau và giải quyết bằng vụ án khác.

Từ ngày 11/2/2022 đến 09/5/2022 anh Trần Đức T còn nợ lại hộ kinh doanh Đại lý HLP số tiền mua bán thức ăn và thuốc thủy sản là 145.672.000 đồng. Ngày 31/10/2022 anh T có thanh toán cho Đại lý số tiền 10.000.000 đồng vì vậy còn nợ lại Đại lý số tiền 135.672.000 đồng. Khi chốt công nợ giữa Đại lý và anh T có đối chiếu chốt nợ bằng bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 31/01/2023. Có chữ ký xác nhận của anh T, thể hiện anh T còn nợ 135.672.000 đồng.

Nay chị Đặng Thị D – Chủ hộ kinh doanh Đại lý HLP yêu cầu Tòa án buộc anh Trần Đức T trả cho chị Đặng Thị D – Chủ hộ kinh doanh Đại lý HLP số tiền thức ăn, thuốc thủy sản còn nợ là 135.672.000 đồng. Yêu cầu tính lãi suất với mức lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày 31/01/2023 đến 06/11/2025 trên số vốn là 135.672.000 đồng. Cụ thể tiền lãi là: 135.672.000 đồng * 0.83% * 33 tháng 06 ngày = 37.385.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 173.057.000 đồng.

Việc anh T yêu cầu hộ kinh doanh Đại lý HLP chiếc khấu giá gốc thức ăn là 29.500 đồng/01kg, không phải giá 38.000 đồng/01kg và thuốc thủy sản 20%/tổng nợ. Hộ kinh doanh Đại lý HLP không đồng ý. Bởi giữa anh T và Hộ kinh doanh Đại lý HLP không có thỏa thuận này mà hai bên chỉ có thỏa thuận miệng rằng sau khi thu hoạch xong vụ nuôi thì anh T phải thanh toán đầy đủ nợ phát sinh thì Đại lý mới tính chiếc khấu cho anh T giảm 6.000 đồng/01kg thức ăn và 20%/tổng nợ thuốc. Tuy nhiên, anh T sau khi kết thúc vụ nuôi lại không thanh toán toàn bộ nợ phát sinh theo thỏa thuận. Nên hộ kinh doanh Đại lý HLP yêu cầu trả toàn bộ nợ gốc phát sinh. Việc anh T cho rằng anh có trả cho đại lý số tiền 30.000.000 đồng là không đúng.

Việc anh T cho rằng ngày 10/7/2023 đã thanh toán cho kỹ sư Q số tiền 80.000.000 đồng là hoàn toàn không đúng. Anh Q hiện là kỹ sư của đại lý. Ngày

10/7/2023 Anh Q có nhận của chị Nguyễn Thị Thúy L (Thúy) số tiền 80.000.000 đồng. Đây là tiền của chị L trả cho đại lý đối với khoản nợ mua bán của chị L, chứ không phải do anh T trả cho đại lý. thể hiện rất rõ tại bút lục số 76.

** Tại các biên bản hòa giải, công khai chứng cứ ngày 10/9/2025 và tại phiên tòa anh Trần Đức T trình bày:*

Từ năm 2021 giữa anh và Hộ kinh doanh đại lý HLP có thỏa thuận việc mua bán thức ăn thủy sản và thuốc thủy sản để phục vụ việc nuôi tôm. Hình thức mua bán là khi Đại lý giao thức ăn hoặc giao thuốc thì anh nhận và ký vào sổ giao hàng do Đại lý giữ. Đại lý giao cho phiếu giao hàng thể hiện số lượng hàng hóa mua và số tiền. Phiếu này anh còn lưu giữ và đã giao nộp cho tòa án. Cuối vụ nuôi anh sẽ thanh toán toàn bộ công nợ sau khi trừ chiếc khấu nếu có. Trước đây giữa anh và đại lý có ký một hợp đồng mua bán nhưng hiện nay anh đã làm mất không còn lưu giữ.

Ngày 31/01/2023 anh và Đại lý có chốt công nợ bằng bảng đối chiếu công nợ đề ngày 31/01/2023. Chữ ký và chữ viết Trần Đức T dưới mục khách hàng tại bảng đối chiếu công nợ đề ngày 31/01/2023 là của anh.

Qua yêu cầu khởi kiện của hộ kinh doanh Đại lý HLP anh không đồng ý. Vì anh cho rằng hiện nay chỉ còn nợ Đại lý 30.000.000 đồng. Lý do là vì anh đã trả cho Đại lý 130.000.000 đồng theo bảng đối chiếu ngày 31/01/2023. Ngoài ra anh còn có trả thêm Đại lý 30.000.000 đồng nhưng hiện nay chứng cứ đã trả cho Đại lý 30.000.000 đồng anh chưa cung cấp được. Đối với số tiền còn nợ 135.672.000 đồng theo bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 31/01/2023 theo anh là tính chưa đúng và chưa tính chiếc khấu. Theo anh nếu chiếc khấu và trừ thêm số tiền 30.000.000 đồng anh đã trả thì anh chỉ còn nợ 30.000.000 đồng.

Việc thỏa thuận chiếc khấu theo Đại lý trình bày là không đúng. Giá tính chiếc khấu, giá đã chiếc khấu là 29.500 đồng/01kg thức ăn. Không phải chiếc khấu 6.000đồng/01 kg. Giá thuốc không có thỏa thuận, Đại lý tính bao nhiêu trả bao nhiêu, anh không biết chiếc khấu bao nhiêu. Việc thỏa thuận chiếc khấu chỉ thỏa thuận miệng không ghi trong hợp đồng. Việc Đại lý trình bày chỉ được chiếc khấu khi anh thanh toán đầy đủ công nợ ngay sau khi thu hoạch là không đúng. Chiếc khấu khi thanh toán không phụ thuộc vào việc thanh toán đúng hạn hay không.

Đối với chữ ký và chữ viết Trần Đức T dưới mục bên mua tại hợp đồng ngày 6/4/2022 không phải của anh. Anh không yêu cầu giám định và cũng không đồng ý nộp tiền chi phí tố tụng để thực hiện giám định chữ ký và chữ viết tại hợp đồng này.

Ngày 10/7/2023 anh đã thanh toán cho đại lý thông qua kỹ sư Q số tiền 80.000.000 đồng nên đề nghị hội đồng xét xử xem xét.

Anh và chị Nguyễn Thị Thúy L trước đây có sống chung với nhau như vợ chồng từ cách nay khoảng 7 năm, từ khoảng năm 2018 nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh và chị Thúy L ký hợp đồng mua bán thức ăn với đại lý riêng. Hiện nay anh và chị Thúy L không còn sống chung chị L đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh không rõ địa chỉ. Do đó, phần của ai mua bán với đại lý sẽ tự thanh toán. Không liên quan với nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Căn cứ vào đơn xin xác nhận nơi cư trú của anh Trần Đức T của công an xã Bình Thới thì anh Trần Đức T có đăng ký thường trú và còn sinh sống tại ấp Bình Thới 3, xã Bình Thới, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre nay là ấp Bình Thới 3, xã Bình Đại, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Căn cứ vào yêu cầu của chị Đặng Thị D – chủ hộ kinh doanh Đại lý HLP và anh Trần Đức T thì giữa hai bên có thỏa thuận mua bán thức ăn, thuốc thủy sản phục vụ nuôi tôm. Nay chị Đặng Thị D – chủ hộ kinh doanh Đại lý HLP yêu cầu tòa án buộc anh Trần Đức T phải trả cho chị số tiền mua bán thức ăn, thuốc thủy sản còn nợ. Do đó quan hệ phát sinh tranh chấp giữa chị Đặng Thị D – chủ hộ kinh doanh Đại lý HLP và anh Trần Đức T là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung giải quyết vụ án:*

3.1 Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị D – chủ hộ kinh doanh Đại lý HLP yêu cầu anh Trần Đức T trả cho chị số tiền mua bán tài sản còn nợ là: 135.672.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù anh Trần Đức T không thừa nhận chữ ký và chữ viết Trần Đức T dưới mục bên mua tại hợp đồng ngày 6/4/2022 là của anh. Nhưng anh cũng không yêu cầu giám định và cũng không đồng ý nộp tiền chi phí tố tụng để thực hiện giám định chữ ký và chữ viết tại hợp đồng này. Tuy nhiên, anh Trần Đức T thừa nhận giữa anh và Hộ kinh doanh Đại lý HLP có thỏa thuận mua bán thức ăn và thuốc thủy sản từ năm 2021. Mục đích là để nuôi tôm. Hình thức mua bán là khi Đại lý giao thức ăn hoặc giao thuốc thì anh nhận và ký vào sổ giao hàng do hộ kinh doanh Đại lý HLP giữ. Đại lý giao cho anh phiếu giao hàng thể hiện số lượng hàng hóa mua và số tiền. Cuối vụ nuôi anh sẽ thanh toán toàn bộ công nợ và nhận chiếc khấu nếu có. Ngày 31/01/2023 anh và Đại lý có chốt công nợ bằng bảng đối chiếu công nợ đề ngày 31/01/2023. Chữ ký và chữ viết Trần Đức T dưới mục khách hàng tại bảng đối chiếu công nợ đề ngày 31/01/2023 là của anh. Vì vậy, đây là tình tiết được

anh T thừa nhận. Hộ kinh doanh Đại lý HLP không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xác định giữa anh Trần Đức T và chị Đặng Thị D - chủ hộ kinh doanh Đại lý HLP có thỏa thuận mua bán thức ăn, thuốc thủy sản và tính đến ngày 31/01/2023 anh Trần Đức T còn nợ lại số tiền 135.672.000 đồng.

[3.2] Xét lời trình bày của anh Trần Đức T về việc anh cho rằng hiện nay chỉ còn nợ hộ kinh doanh Đại lý HLP số tiền 30.000.000 đồng. Lý do anh đã trả cho Đại lý 130.000.000 đồng theo bảng đối chiếu ngày 31/01/2023. Ngoài ra anh còn có trả thêm Đại lý 30.000.000 đồng. Ngày 10/9/2025 Tòa án đã yêu cầu anh T giao nộp các tài liệu chứng cứ thể hiện đã thanh toán cho hộ kinh doanh Đại lý HLP số tiền 30.000.000 đồng cho bảng đối chiếu công nợ ngày 31/01/2023 và hiện chỉ còn nợ 30.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay và phiên tòa hôm nay anh T cũng không có bất cứ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh ngoài số tiền thanh toán Đại lý thừa nhận theo bản đối chiếu ngày 31/01/2023, anh đã thanh toán thêm 30.000.000 đồng và hiện chỉ còn nợ Đại lý 30.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày này của anh T.

[3.2] Xét lời trình bày của anh Trần Đức T về việc hai bên thỏa thuận Giá thức ăn sau khi trừ chiếc khấu là 29.500 đồng/01kg thức ăn không phải chiếc khấu 6.000 đồng/01 kg. Giá thuốc chiếc khấu bao nhiêu anh không rõ. Việc chiếc khấu không phụ thuộc vào việc thanh toán đúng hạn hay không. Hội đồng xét xử xét thấy. Căn cứ vào các điều khoản của hợp đồng mua bán ngày 6/4/2022 không thể hiện việc các đương sự thỏa thuận giá chiếc khấu tiền thức ăn và thuốc là bao nhiêu. Không có thỏa thuận việc chiếc khấu khi thanh toán đầy đủ tiền cuối vụ hay không. Ngày 10/9/2025 Tòa án đã yêu cầu anh T giao nộp các tài liệu chứng cứ thể hiện giá thức ăn sau khi chiếc khấu là 29.500 đồng/kg và việc chiếc khấu không phụ thuộc vào thời điểm thanh toán. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn giao nộp anh T vẫn không có bất cứ tài liệu chứng cứ nào giao nộp để chứng minh cho lời trình bày này. Mặc khác hộ kinh doanh Đại lý HLP chỉ thừa nhận số tiền chiếc khấu là 6.000đồng/01kg thức ăn, chiếc khấu tiền thuốc là 20%/tổng số tiền thuốc. Tuy nhiên, việc chiếc khấu chỉ được thực hiện khi anh T thanh toán đầy đủ công nợ cuối vụ nuôi. Như vậy anh T không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho giá và điều kiện chiếc khấu. Trong khi Đại lý chỉ thừa nhận, chỉ chiếc khấu khi thanh toán đầy đủ vào cuối vụ nuôi. Căn cứ vào bảng đối chiếc xác nhận công nợ ngày 31/01/2023 thì từ ngày 31/01/2023 anh T không thanh toán sau khi kết thúc vụ nuôi nên việc Đại lý không tính chiếc khấu cho anh T mà yêu cầu trả toàn bộ tiền nợ trên giá gốc với số tiền 135.672.000 đồng là phù hợp.

[3.4] Xét yêu cầu tính lãi suất của chị Đặng Thị D – chủ hộ kinh doanh Đại lý HLP. Hội đồng xét xử xét thấy: chị Đặng Thị D và anh Trần Đức T thừa nhận có thỏa thuận mua bán thức ăn, thuốc thủy sản từ năm 2021 và đến ngày 10/5/2022 thì chấm dứt việc mua bán. Đến ngày 31/01/2023 thì hai bên chốt số tiền còn nợ. Như vậy, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì

hai bên không có thỏa thuận lãi suất. Vì vậy mức lãi suất sẽ được tính theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự không vượt quá 10%/năm. Vì vậy, yêu cầu tính lãi suất 0.83%/tháng của nguyên đơn từ ngày 31/01/2023 là phù hợp nên được xem xét chấp nhận. Cụ thể mức lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày 31/01/2023 đến 06/11/2025 trên số vốn là 135.672.000 đồng. Cụ thể tiền lãi là: 135.672.000 đồng * 0.83% * 33 tháng 06 ngày = 37.385.000 đồng. Như vậy tổng cộng vốn và lãi suất anh Trần Đức T phải trả cho chị Đặng Thị D – chủ hộ kinh doanh Đại lý HLP là 173.057.000 đồng.

[3.5] Việc anh T trình bày đã trả cho đại lý số tiền 80.000.000 đồng thể hiện tại bút lục số 76. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại bản đối chiếu ngày 10/7/2023 bút lục 76 có nội dung: "*có nhận của chị Thúy số tiền 80.000.000 đồng*". Như vậy, không có cơ sở cho rằng đây là số tiền mà đại lý nhận từ anh T và anh T là người giao số tiền này. Vì vậy không có cơ sở chấp nhận lời trình bày này của anh T.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:* Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị D – chủ hộ kinh doanh Đại lý HLP được chấp nhận nên anh Trần Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là cụ thể: 173.057.000 đồng * 5% = 8.652.850 đồng (Tám triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn tám trăm năm mươi đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị D – chủ hộ kinh doanh đại lý HLP đối với anh Trần Đức T về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*".

2. Buộc anh Trần Đức T phải có nghĩa vụ trả cho chị Đặng Thị D – chủ hộ kinh doanh đại lý HLP số tiền mua bán tài sản còn nợ là 173.057.000 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu không trăm năm mươi bảy ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất

quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Anh Trần Đức T phải chịu là 8.652.850 đồng (Tám triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn tám trăm năm mươi đồng).

Hoàn trả lại cho chị Đặng Thị D – chủ hộ kinh doanh đại lý HLP số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.018.240 đồng (Mười một triệu không trăm mười tám ngàn hai trăm bốn mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011330 ngày 05/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre nay là Phòng thi hành án khu vực 8 – Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- VKSND Khu vực 8 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 8 – Vĩnh Long;
- Cơ quan THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Thái Dương